

## Tâm và Pháp (Giác Chánh)

### TÂM

#### *Citta*

Tâm là sự biết cảnh hay nhận thức đối tượng. Ở đây, Tâm phải được hiểu là sự nhận thức thuần túy, chủ trương biết cảnh; còn thể cách thiện hay bất thiện là do các sở hữu tâm. Giải về tâm, các nhà chú giải viết "Cintanamattam Cittam = nhận thức gọi là Tâm". "Ārammanam Cinteti Cittam = biết cảnh gọi là Tâm". Theo Vi Diệu Pháp thì các danh từ **Tâm (Citta)**, **Ý (Mana)**, **Thức (Viññāṇa)** không có sự sai khác về ý nghĩa, tùy theo chỗ dùng mà chúng có nhiều tên gọi khác nhau. Thí dụ: đối với 12 Xứ thì tất cả Tâm gọi là ý (Ý Xứ), đối với ngũ uẩn thì tất cả tâm gọi là thức (Thức Uẩn) ...  
Atthakathā chú giải rằng:

**Trạng thái** (chơn tướng) của Tâm là biết cảnh (Ārammanam Vijāranakkhanam).

**Phận sự** của Tâm là chủ trì, hướng dẫn sở hữu tâm (Pubbamgamarasam).

**Sự thành tựu** của Tâm là tư cách liên tục, nối nhau sanh diệt không gián đoạn (Sandhanapaccupatthānam).

**Nhân cần thiết** của Tâm là Sở hữu tâm và Sắc pháp (Nāma Rūpa padatṭhanam).

Có bốn nhân sanh tâm:

**1. Nghiệp quá khứ** (Atītakamma) là những hành động thiện hay bất thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành phần chính phải nói là tâm quả. Như một người làm các ác nghiệp, khi chết phát sanh tâm quả dẫn đi tục sinh vào kiếp ác thú.

**2. Sở hữu tâm** (Cetasika) là những thành phần phụ thuộc của

tâm. **Đồng sanh, đồng diệt với tâm, đồng nương một căn với tâm, đồng biết một cảnh với tâm.** Không thể có một tâm nào mà không có sở hữu tâm. Khi nhìn lên bảng, ta biết ngay đó là tấm bảng, thì tâm biết đó phải có sở hữu Tướng (nhớ lại cái đã gặp để ghi nhận cảnh hiện tại) hay phải có sự hướng tâm đến cảnh (sở hữu Tâm) hoặc trụ tâm trên cảnh (sở hữu Định) ...

Như vậy tâm không phải là một đơn vị thuần nhất mà là một tập hợp của nhiều thứ. Cũng như phim không thể chụp hình, mà đòi hỏi phải có máy chụp hình gồm ống kính, bộ phận ánh sáng ... thì phim mới ghi nhận cảnh được. Do đó, có thể nói *sở hữu tâm là nhân sanh tâm hay yếu tố sanh tâm.*

**3. Cảnh** (Ārammanam) là đối tượng của tâm, tâm biết cảnh, những gì bị tâm biết gọi là cảnh. Nếu không có cảnh thì không có tâm, có tâm là có cảnh. Do đó, gọi cảnh là nhân sinh tâm.

**4. Vật** (Vatthu) là những Sắc Thân Kinh (Pasādarūpa), chỗ nương của tâm thức. Như con mắt là chỗ nương của nhãn thức, tai là chỗ nương của nhĩ thức .... Do đó, gọi vật là nhân sanh tâm.

Theo Abhidhamma có tất cả là 89 tâm (hay 121 tâm nếu tính theo chi thiên) được phân loại tùy theo phương diện.

\* Nếu chia theo lãnh vực (Vacara) thì tâm có 4 loại:

**1. Tâm Dục Giới** (Kāma vacaracitta): là tâm phần lớn bắt cảnh dục (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc). Thuộc về lãnh vực Dục Giới gồm có 54 tâm.

**2. Tâm Sắc Giới** (Rūpa vacaracitta): là tâm Thiền, lấy sắc pháp làm đề mục tu thiền. Gồm có 15 tâm.

**3. Tâm Vô Sắc Giới** (Arūpa vacaracitta): là tâm Thiền, lấy đề mục không sắc pháp làm đối tượng tu thiền. Gồm có 12 tâm

**4. Tâm Siêu Thế** (Lokuttaracitta): là tâm biết cảnh Niết

Bàn; đối tượng thoát ly thế gian, không thuộc về thế gian.  
Có tất cả là 8 tâm (hay 40 tâm nếu tính theo 5 chi thiền).

\* Nếu phân tâm theo cảnh thì tâm gồm có 6 loại:

**1. Tâm Nhãn Thức** (Cakkhuviññāṇa): là tâm nương nhãn vật, biết cảnh sắc, hình ảnh. Gồm có 2 tâm.

**2. Tâm Nhĩ Thức** (Sotaviññāṇa): là tâm nương nhĩ vật, biết cảnh thanh. Có tất cả là 2 tâm nhĩ thức.

**3. Tâm Tỷ Thức** (Ghānaviññāṇa): là tâm nương tỷ vật, biết cảnh khí (các mùi). Gồm có 2 tâm.

**4. Tâm Thiệt Thức** (Jivhāviññāṇa): là tâm nương thiệt vật, nhận biết cảnh vị (các vị cay, chua, mặn,...). Gồm có 2 tâm.

**5. Tâm Thân Thức** (Kāyaviññāṇa): là tâm nương thân vật, nhận thức cảnh xúc (sự va chạm, nóng, lạnh, ...). Gồm có 2 tâm.

**6. Tâm Ý Thức** (Mana viññāṇa): là tâm bắt cảnh pháp, là cảnh trạng khởi lên trong tâm. Có tất cả 111 tâm (trừ ngũ song thức).

-ooOoo-

## PHÁP

*(Dhamma)*

Pháp là những gì có chơn tướng riêng biệt.

Chữ Dhamma là một danh từ có một ý nghĩa hết sức bao quát được dùng theo nhiều nghĩa tùy theo trường hợp. Các nhà chú giải đã định nghĩa rằng: "Attano Lakkhanam Dhāreti:

Dhammo"= Tự giữ chơn tướng gọi là Pháp (nhậm trì tự tánh).

Chữ Lakkhanam có nghĩa là thể trạng, trạng thái, bản chất, chơn tướng. Như vậy, những gì có thể trạng đều gọi là pháp, dù thể trạng ấy là gì đi nữa cũng vậy. Thí dụ như vuông, tròn, dài, ngắn, tốt, xấu...

Tóm lại, Pháp là danh từ chỉ vật gì có trạng thái riêng mà tri giác có thể nhận biết được, dù vật đó thuộc về vô vi hay hữu vi, giả danh hay bản thể, hiệp thể hay siêu thể.

Đại Đức Santakicco đã định nghĩa về Pháp bằng hai câu sau:

*Pháp là chi ? – Chi cũng là Pháp.*

*Pháp có trạng thái ra sao ? – Ra sao cũng là trạng thái của Pháp.*

Pháp tuy có rất nhiều nhưng Đức Phật đã gom lại và chia thành hai loại:

- **Pháp Tục Đế** (Sammuttisacca): Sự thật thể tình thông thường.

- **Pháp Chơn Đế** (Paramatthasacca): Sự thật bản thể, chơn tướng của các pháp.

Hai pháp Tục Đế và Chơn Đế bao hàm trọn vẹn tất cả các pháp trong thế gian.

-ooOoo-

## **PHÁP TỤC ĐẾ** *(Sammuttisacca)*

Tục đế có nghĩa là sự thật thông thường theo thể tình, sự thật của ngôn từ và ý nghĩa của ngôn từ. Như khi nói đến cái xe thì người ta hiểu rằng xe là một vật có bánh xe để di chuyển. Tiếng xe dùng để chỉ một vật gồm bánh xe, sườn xe ... hợp lại. Như vậy, xe là một sự định đặt ngôn từ để diễn đạt một vật chớ thật ra không có gì là chiếc xe cả. Tuy nhiên, gọi một vật có bánh để chạy là xe thì so với thông thường cũng không phải là sai, do đó

mới có định nghĩa, Tục đế là những sự thật thông thường do thể tình đặt ra.

Chữ Sammuttisacca còn được các dịch giả dịch bằng những danh từ khác nhau như sau:

**Chế định:** ngôn từ để chỉ định vật gì định đặt.

**Mặc ước:** ước định, khái niệm về vật gì.

**Thi thiết:** đặt bày ngôn từ diễn đạt các sự vật ...

Mặc dù được dịch với nhiều danh từ, nhưng tựu chung thì Tục đế là các ngôn từ được định đặt ra để diễn đạt các sự vật. Pháp Tục Đế được chia ra làm hai loại:

- **Danh chế định** (Nāmapaññatti) lại được phân ra làm sáu loại:

**1. Danh chơn chế định** (Sāvijjamāna paññatti): là những danh từ chỉ vật thật có, bản thể chơn tướng, những danh từ dùng để diễn đạt pháp Chơn đế. Thí dụ: Tâm, Sở hữu tâm, Sắc pháp, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Uẩn, Xứ, Giới, Đế ...

**2. Phi danh chơn chế định** (Avijjamāna paññatti): là những danh từ giả lập, không có bản thể, chơn tướng (giả định theo mặc ước). Những danh từ dùng để diễn đạt pháp Tục đế. Thí dụ: Chư thiên, Ma vương ...

**3. Danh chơn, phi danh chơn chế định** (Vijjāmāna avijjāmāna paññatti): là những danh từ ghép, chữ trước chỉ vật có thật (pháp Chơn đế), chữ sau chỉ vật theo qui ước (pháp Tục đế). Thí dụ:

Tâm tôi, Tiếng radio, Mùi sầu riêng ... Tâm, tiếng, mùi là những danh từ chỉ vật có thật (chơn đế); tôi, radio, sầu riêng là những danh từ giả định (tục đế).

**4. Phi danh chơn, danh chơn chế định** (Avijjāmāna vijjāmāna paññatti): là những danh từ ghép, tiếng trước thuộc về ngôn từ giả định (pháp Tục đế), tiếng sau thuộc về những danh từ chỉ vật có thật (pháp Chơn đế). Thí dụ: Tôi sân, nó có tâm tham ... Tôi, nó là giả danh, không có thật; sân, tâm tham là những trạng thái có thật.

**5. Danh chơn, danh chơn chế định** (Vijjāmāna vijjāmāna paññatti): là những danh từ ghép, tiếng trước và tiếng sau đều chỉ những sự vật có thật. Thí dụ: Tâm Tham, Nhãn Thức, Thọ Lạc ... Tâm, Tham, Nhãn, Thức, Thọ, Lạc đều là những sự vật có thật (những danh từ dùng để diễn đạt pháp Chơn Đế).

**6. Phi danh chơn, phi danh chơn chế định** (Avijjāmāna avijjāmāna paññatti): là những danh từ ghép, trong đó tiếng trước và tiếng sau đều chỉ những sự vật giả danh như nhơn loại, thiên hạ, trời đất, cha con, ông cháu, ... những danh từ đó diễn đạt những sự vật không có thật (chỉ là giả danh) theo pháp chơn đế mặc dù đối với pháp tục đế chúng hoàn toàn có thật.

- **Nghĩa chế định** (Atthapaññatti) gồm có bảy loại như sau:

**1. Hình thức chế định** (Santhānā paññatti): là những danh từ dùng để diễn đạt hình dáng của sự vật như núi *cao*, biển *rộng*, hồ *sâu*, sông *dài*, bàn *tròn*, người *lanh lẹ*, ....

**2. Hiệp thành chế định** (Samūha paññatti): những danh từ chỉ các sự vật hiện hữu bởi sự tập hợp của nhiều vật khác nhau như nhà (sự kết hợp bởi rui, mè, kèo, cột ...), xe (sự kết hợp bởi sườn, bánh, tay lái, ...), gia đình (sự kết hợp bởi cha, mẹ, con cái ...).

**3. Chúng sinh chế định** (Satta paññatti): là những danh từ dùng để chỉ những sinh vật có thức tánh, mạng căn như người, trời,

tiên, Phật, ...

**4. Phương hướng chế định** (Disā paññatti): là những danh từ dùng để diễn đạt về phương hướng như Đông, Tây, Nam, Bắc,

...

**5. Thời gian chế định** (Kāla paññatti): là những danh từ dùng để chỉ một thời điểm nào đó như buổi sáng, buổi tối, Xuân, Hạ, Thu, Đông, ...

**6. Hư không chế định** (Ākāsa paññatti): là những danh từ dùng để diễn tả những chỗ trống, kẻ hở, hư không như hang, hố, huyết, ao, đầm, ..

**7. Hình tượng chế định** (Nimitta paññatti): cũng gọi là Tiêu Biểu chế định, là những danh từ diễn đạt một sự vật tiêu biểu, tượng trưng như lá cờ, quốc gia, bảng hiệu, ... hay các đề mục tu Chỉ Tịnh như Đất, Nước, Lửa, Gió, xanh, vàng, ...

Không nên lầm tưởng là cứ mỗi danh từ trong danh chế định sẽ có một danh từ tương đương trong nghĩa chế định, mà phải hiểu rõ rằng các danh từ giả định trong danh chế định diễn tả một sự vật có thật dù cụ thể hay trừu tượng. Còn nghĩa chế định là những danh từ chỉ nhằm vào mặt ý nghĩa, hay nếu đi chung với danh chế định thì nhằm bổ túc thêm ý nghĩa của danh chế định đó. Thí dụ: cái nhà trên phương diện danh chế định thì nó thuộc về Phi Danh Chơn chế định, nhưng theo nghĩa chế định thì nó là Hiệp Thành chế định.

Tóm lại, mọi vật trong đời được diễn đạt bằng ngôn ngữ, để bày tỏ cho nhau được hiểu biết, bất cứ dưới hình thức nào, phương tiện nào đều là chế định. Ngay khi Đức Phật thuyết pháp để chuyển mê, khai ngộ, Ngài cũng phải dùng pháp chế định của Tục Đế để diễn đạt Chơn Đế. Vì thế chúng ta cần phải biết rõ thế nào là Chơn Đế và thế nào là Tục Đế để khỏi lầm lẫn trong việc tu tập.

-ooOoo-

## PHÁP CHƠN ĐẾ

### *Paramatthasacca*

Chơn đế là sự thật bản thể của Tục đế, một sự thật cố nhiên và không bao giờ thay đổi. Khi ta gọi anh A, theo Tục đế thì anh A là một người có một sắc tướng riêng biệt, một sự thật giả định để phân biệt giữa người này với người khác; theo Chơn đế thì anh A là một tập hợp của ngũ uẩn và ngũ uẩn đó mới chính thật là anh A.

Thật ra rất khó mà định nghĩa một cách trọn vẹn và đầy đủ từ ngữ Paramatthasacca, vì nó bao hàm rất nhiều nghĩa mà mỗi nghĩa là một khía cạnh của pháp Chơn đế:

**Không bao giờ thay đổi** (Parama aviparito): không thay đổi ở đây không có nghĩa là thường hằng, bất biến, mà nó có nghĩa là trước sau giống nhau không sai khác. Quá khứ như thế nào thì hiện tại và tương lai cũng như thế ấy; do đó được gọi là chơn như (chơn: sự thật; như: không thay đổi).

**Đối tượng của trí tuệ cao siêu** (Paramattha): nghĩa lý cao siêu, chân lý vi diệu, bản thể của vạn pháp; do đó cũng được dịch là siêu lý.

**Đệ nhất nghĩa đế** (Paramatthasacca): sự thật tuyệt đối, vô song.

Ngoài ra, về mặt chiết tự ta có thể hiểu (chơn: sự thật, đế: sự thật) chơn đế là sự thật của sự thật, là thực thể của tục đế.

Theo Vi Diệu Pháp có tất cả là bốn thực thể của các pháp:

1. **Tâm** (Citta): thành phần tri giác của chúng sanh.
2. **Sở hữu tâm** (Cetasika): thành phần phụ thuộc của tâm.
3. **Sắc pháp** (Rūpa): thành phần vật chất, vô tri.

**4. Niết bàn (Nibāna):** bản thể tịch tịch, chấm dứt sự sinh diệt của Danh Sắc.

Tâm và Sở hữu tâm là bản thể vô hình, được gọi là Danh (Nāma); đối lại với Sắc pháp (Rūpa) gọi là Sắc. Danh và Sắc thuộc về thành phần do duyên tạo nên được gọi là pháp hữu vi (Saṅkhāra). Trái lại Niết Bàn là sự tịch tịnh, diệt hoàn toàn, không phải là pháp bị tạo nên được gọi là pháp vô vi (Asaṅkhāra).

Người học Phật cần phải phân biệt rõ thế nào là giả định, thế nào là thật thể. Đây là hữu vi, đây là vô vi để không có sự lầm lẫn, chấp "ngón tay là mặt trăng"; nhất là đối với người hành thiền quán thì vấn đề càng quan trọng hơn, vì hành thiền minh sát là quán xét để thấu triệt bản chất thật thể của các pháp.

Một điểm cần ghi nhận là điều tinh túy của Abhidhamma là sự sâu sắc về bản thể pháp hay pháp chơn đế. Một nhà chú giải đã viết "*Abhidhamma sabhāvo gambhiro* = Vi Diệu Pháp sâu xa về bản thể pháp". Vì vậy, người học Vi Diệu Pháp cần nắm vững

nghĩa lý của pháp chơn đế.

-ooOoo-